

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 08-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Mạnh Dũng

Bà Đặng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/HSST ngày 09-6-2020 đối với các bị cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/HSST-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10-9-1979 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: Nữ; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 05/12; con ông: Lê Văn Đ (đã chết) và bà Chu Thị N, sinh năm 1958; chồng: Tô Hạnh N (đã chết năm 2007); con: Có 02, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ ngày 02-3-2020 đến ngày 05-3-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

2. Vương Quốc N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 30-6-1974, tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 07/12; con ông: Vương Quốc Đ (đã chết) và bà Vương Thị T, sinh năm 1935; vợ: Lành Bạch H; con: Có 02, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 143/2008/HSST

ngày 11-12-2008 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

- *Người làm chứng*

1. Anh Từ Văn T, sinh năm 1989, vắng mặt.
2. Anh Leo Văn N, sinh năm 1994, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01-3-2020 tổ công tác Bộ đội Biên phòng của Đồn Biên phòng C thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tuần tra đường biên giới khu vực mốc 1227 đến 1228 phát hiện hai đối tượng chuẩn bị xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hai đối tượng tên là Từ Văn T và Leo Văn N cùng trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang, qua kiểm tra Từ Văn T và Leo Văn N không xuất trình được giấy tờ, thủ tục xuất cảnh. Tổ công tác đưa Từ Văn T và Leo Văn N về Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản sự việc theo quy định. Tại đồn Biên phòng cửa khẩu C, Từ Văn T và Leo Văn N khai nhận:

Do ở nhà không có việc làm kiếm tiền Leo Văn N nghe dân trong xã nói sang Trung Quốc chặt mía làm thuê thường đi theo đường C, tỉnh Lạng Sơn để sang Trung Quốc. Khoảng giữa tháng 10/2019 Leo Văn N một mình đến thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thấy có đông người tụ tập, hỏi thăm thì những người này cho biết chuẩn bị sang Trung Quốc chặt mía thuê, Leo Văn N đã theo những người này sang N, Q, Trung Quốc chặt mía thuê. Trong thời gian này Leo Văn N sử dụng Wechat, giữa tháng 11/2019 Leo Văn N về Việt Nam; Leo Văn N mở Wechat thì thấy tài khoản Wechat của Leo Văn N vào nhóm trò chuyện có cả người Trung Quốc, người Việt Nam. Leo Văn N thấy tài khoản Wechat có tên LL0397013667 hay trả lời bằng tiếng Việt Nam, Leo Văn N đã kết bạn với tài khoản này. Qua nói chuyện được biết tài khoản này tên là Lê Thị B ở Lạng Sơn làm nghề lái xe ô tô khách chuyên chạy tuyến Thành phố L đến cửa khẩu C và ngược lại. Leo Văn N hỏi Lê Thị B có đưa người xuất cảnh trái phép được không Lê Thị B trả lời được, Leo Văn N nói với Lê Thị B khi nào lên Lạng Sơn thì Lê Thị B đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lê Thị B đồng ý.

Trước tết nguyên đán Lê Thị B cho Vương Quốc N biết việc Lê Thị B có quen một người tên là C ở chợ A- Trung Quốc. C là người đón người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Lê Thị B cho Vương Quốc N biết đã thống nhất với C đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lê Thị B đưa những người Việt Nam sang đến cột mốc biên giới, C đón sang Trung Quốc.

Tháng 01-2020, thông qua mạng Zalo Leo Văn N quen Từ Văn T, qua nói chuyện cả hai cho biết ở nhà không có việc làm và rủ nhau đi kiếm tiền. Đầu tháng 02-2020 cả hai đi phụ hồ ở Hà Nội nhưng chỉ làm được một tuần thì quay về và tiếp tục nhắn tin qua Zalo cho nhau. Ngày 27-02-2020 Leo Văn N và Từ Văn T rủ nhau sang Trung Quốc và hẹn ngày 29-02-2020 lên Lạng Sơn để đi sang Trung Quốc.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 29-02-2020 Leo Văn N liên lạc với Lê Thị B hôm nay sẽ cùng một người nữa lên Lạng Sơn để sang Trung Quốc. Leo Văn N bảo Lê Thị B đưa hai người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lê Thị B đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày Leo Văn N và Từ Văn T hẹn gặp nhau ở ngã tư K, thành phố B để lên Lạng Sơn, khoảng 17 giờ cùng ngày cả hai đến thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào khách sạn V để thuê phòng ngủ. Khoảng 19 giờ cùng ngày Leo Văn N gọi điện thông qua Wechat thông báo cho Lê Thị B biết đang nghỉ tại khách sạn V thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Leo Văn N bảo Lê Thị B đưa sang Trung Quốc, Lê Thị B hẹn 05 giờ sáng ngày 01-3-2020 đến đón và đưa đi. Do xe của Lê Thị B đang sửa và Lê Thị B đang bận hộ đám cưới nên Lê Thị B đã gọi điện cho Vương Quốc N bảo có hai khách đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lê Thị B bận không đi được bảo Vương Quốc N khoảng 04 đến 05 giờ ngày 01-3-2020 đón ở khách sạn V thị trấn L để đưa đi. Lê Thị B bảo Vương Quốc N thu mỗi khách 200.000 đồng/người; Vương Quốc N bảo Lê Thị B liên lạc với C đến hàng rào phía Trung Quốc đón và bảo Lê Thị B gửi số điện thoại của C và hai khách để liên lạc đón. Khoảng 21 giờ ngày 29-02-2020 Lê Thị B gửi cho Vương Quốc N tài khoản Wechat của Leo Văn N có tên là “Hữu Nghị”, đồng thời Lê Thị B cũng cho Leo Văn N biết là bận không đón được và sẽ cho người đến đón và đưa sang Trung Quốc. Vương Quốc N hẹn Leo Văn N sáng ngày 01-3-2020 phải đi sớm mới đi qua đường biên được và đưa đến mốc 1227, Leo Văn N tự sang Trung Quốc. Khoảng 24 giờ ngày 29-02-2020 Lê Thị B cho Vương Quốc N biết không phải đi hộ đám cưới nên bảo Vương Quốc N qua đón cùng đi.

Khoảng 04 giờ ngày 01-3-2020 Vương Quốc N từ nhà đi đến đón Lê Thị B ở Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau đó đến khách sạn V đón Leo Văn N và Từ Văn T, trên đường đi Vương Quốc N cho Lê Thị B biết hai khách này đang cần người đón ở đường biên đưa sang chợ Ái Điểm -Trung Quốc, Vương Quốc N bảo Lê Thị B liên lạc với C để đón nhưng Lê Thị B không liên lạc được, khoảng 05 giờ Lê Thị B và Vương Quốc N đón được Leo Văn N và Từ Văn T rồi đưa vào cửa khẩu C, trên đường đi Lê Thị B đã thu của Leo Văn N 500.000 đồng tiền Việt Nam và 150 NDT, Lê Thị B cho Leo Văn N biết không liên lạc được với người Trung Quốc, Lê Thị B chỉ đưa đến cột mốc sau đó Leo Văn N và Từ Văn T theo đường mòn sang Trung Quốc. Khi đến thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Lê Thị B nói với Vương Quốc N nếu đi theo đường mòn lên cột mốc 1227 thì sợ Bộ đội Biên phòng tuần tra phát hiện nên đi đường đi thẳng vào hướng Ủy ban nhân dân xã T đi vòng qua đường Bản Thín đến gần đường tuần tra biên giới, khi đến gần cột mốc 1227 thì Lê Thị B bảo Vương Quốc N dừng xe cho Leo Văn N và Từ Văn T xuống. Tại đây cả hai hướng dẫn

Leo Văn N và Từ Văn T đi thẳng lên cột mốc sẽ có đường sang Trung Quốc, Leo Văn N trao đổi với Lê Thị B và Vương Quốc N để ý điện thoại nếu đến chỗ nào không biết thì nhắn tin. Lê Thị B và Vương Quốc N quay về, trên đường Lê Thị B đưa cho Vương Quốc N 400.000 đồng tiền công, trong lúc Leo Văn N và Từ Văn T chuẩn bị xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị Tổ công tác Bộ đội Biên phòng cửa khẩu C và Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện đưa về trụ sở để điều tra làm rõ.

Lời khai anh Leo Văn N và Từ Văn T trình bày tại Cơ quan điều tra: Do đã hẹn với Lê Thị B để lên Lạng Sơn và nhờ Lê Thị B đưa sang Trung Quốc làm thuê, ngày 01-3-2020 Leo Văn N, Từ Văn T từ huyện L, tỉnh Bắc Giang lên Lạng Sơn nhờ Lê Thị B đưa sang Trung Quốc, do Lê Thị B và Vương Quốc N không đưa đến đường biên giới giáp sang Trung Quốc nên do không biết đường, khi Leo Văn N, Từ Văn T đi đến đường biên giới thì bị Cơ quan chức năng phát hiện và bắt quả tang đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản lấy lời khai. Leo Văn N và Từ Văn T không có giấy tờ xuất cảnh, đây là lần đầu tiên họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhưng khi đang trên đường đi đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện.

Tại Bản kết luận giám định số: 110/KLGD- PC09 ngày 13-3-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tiền Việt Nam 01 tờ loại mệnh giá 500.000 đồng; tiền Trung Quốc gồm các loại mệnh giá: Mệnh giá 50 NDT/tờ có 02 tờ = 100 NDT; mệnh giá 20 NDT/tờ có 02 tờ = 40 NDT; mệnh giá 10 NDT/tờ có 01 tờ = 10 NDT. Tổng cộng: 150 NDT và 500.000 đồng tiền Việt Nam, tất cả là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS-P2 ngày 08-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Lê Thị B, Vương Quốc N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị B, Vương Quốc N khai nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cụ thể: Ngày 29-02-2020 Leo Văn N liên lạc với Lê Thị B sẽ cùng một người nữa lên Lạng Sơn. Khoảng 17 giờ cùng ngày cả hai đến thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào khách sạn V để thuê phòng ngủ. Khoảng 19 giờ Leo Văn N gọi điện thông qua Wechat thông báo cho Lê Thị B biết đang nghỉ tại khách sạn V thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Leo Văn N bảo Lê Thị B đưa sang Trung Quốc, Lê Thị B hẹn 05 giờ sáng ngày 01-3-2020 đến đón Leo Văn N và Từ Văn T đưa vào cửa khẩu C để sang Trung Quốc, trên đường đi Lê Thị B thu tiền phí của Leo Văn N 500.000 đồng tiền Việt Nam và 150 NDT, Lê Thị B cho Leo Văn N biết chỉ đưa đến cột mốc, Leo Văn N và Từ Văn T tự đi theo đường mòn sang Trung Quốc. Khi đến thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do sợ Bộ đội Biên phòng tuần tra phát hiện Lê Thị B và Vương Quốc N đưa Leo Văn N, Từ Văn T đi thẳng vào hướng Ủy ban nhân dân xã T đi vòng qua đường Bản Thín, xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn khi đến gần cột

mốc 1227 thì Lê Thị B và Vương Quốc N dùng xe cho Leo Văn N và Từ Văn T xuống. Tại đây cả hai hướng dẫn Leo Văn N và Từ Văn T đi thẳng lên cột mốc sẽ có đường sang Trung Quốc còn Lê Thị B và Vương Quốc N quay về trên đường Lê Thị B đưa cho Vương Quốc N 400.000 đồng tiền công, trong lúc Leo Văn N và Từ Văn T chuẩn bị xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị Tổ công tác Bộ đội Biên phòng cửa khẩu C và Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện đưa về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị B, Vương Quốc N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra Vương Quốc N áp dụng thêm khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị B từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Vương Quốc N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vương Quốc N từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lê Thị B vì không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một phong bì niêm phong có chữ ký cùng tên của Ngô Văn Đ và hai hình dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (*bên trong có một tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng + hai tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 50 NDT/tờ + hai tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 20 NDT/tờ + một tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 10 NDT/tờ*).

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím đen, đã qua sử dụng, số IMEL 1: 869318031106954, số IMEL 2: 869318031106947 của Lê Thị B là vật chứng vụ án.

Truy thu đối với Vương Quốc N số tiền 400.000 đồng do phạm tội mà có.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật rất hối hận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng người làm chứng anh Leo Văn N, anh Từ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không lý do, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt của anh Leo Văn N, anh Từ Văn T không

ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị B, Vương Quốc N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản sự việc ngày 01-3-2020, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 01-3-2020 Lê Thị B, Vương Quốc N đã thực hiện hành vi đưa 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê, với động cơ, mục đích để hưởng lợi từ việc thu tiền phí của người muốn xuất cảnh trái phép, trong đó Lê Thị B đã thu của Leo Văn N và Từ Văn T là 500.000đồng và 150NDT, còn Vương Quốc N được lợi từ việc đón và đưa 02 người có nhu cầu sang Trung Quốc đưa đến hàng rào phía bên Trung Quốc được Lê Thị B trả tiền công 400.000đồng. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Thị B, Vương Quốc N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh của Nhà nước Việt Nam; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương trong lĩnh vực quản lý hành chính, công tác xuất nhập cảnh; các bị cáo là người có năng lực hành vi nhận thức được việc tổ chức cho công dân xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện. Tuy nhiên việc 02 công dân Việt Nam chưa xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam là do bị Cơ quan chức năng kịp thời phát hiện ngăn chặn là ngoài ý muốn của các bị cáo. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, do các bị cáo cùng cố ý thực hiện. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, nhưng về nguyên tắc mỗi đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập do hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mình.

[6] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo Lê Thị B có vai trò chính, là người trực tiếp liên hệ với đầu

mỗi bên Trung Quốc, liên hệ xe đưa đón, thu tiền lệ phí của những người có nhu cầu sang Trung Quốc để hưởng lợi, do vậy bị cáo phải có hình phạt phải nặng hơn; đối với Vương Quốc N vì hám lợi thấy Lê Thị B trả tiền xe, tiền công cao nên đã nhận lời đón những người có nhu cầu sang Trung Quốc theo sự thỏa thuận của Lê Thị B, bị cáo đã được trả tiền công 400.000 đồng, do vậy bị cáo Vương Quốc N chỉ có vai trò thứ yếu nên hình phạt nhẹ hơn. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với Lê Thị B chồng đã chết, bị cáo là lao động chính, nuôi hai con. Vương Quốc N trong thời gian sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú (có xác nhận của chính quyền) do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Lê Thị B chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Do đó, bị cáo là người có nhân thân tốt. Đối với Vương Quốc N, năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích). Tính đến thời điểm phạm tội mới ngày 01-3-2020 là đã trên 09 năm. Mặt khác, các bị cáo có nơi cư trú, cụ thể rõ ràng; trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông tên là C là người đón khách Việt Nam khi Lê Thị B và Vương Quốc N đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lê Thị B chỉ biết tên là C và chưa gặp lần nào, do không có thông tin đầy đủ nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở để xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các bị cáo có thể bị phạt tiền. Qua các tài liệu trong hồ sơ thể hiện Lê Thị B lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo; đối với Vương Quốc N biên bản xác minh thể hiện có tài sản do vậy Hội đồng xét xử quyết định phạt tiền là 10.000.000 đồng đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có hai sim của Lê Thị B là chiếc điện thoại bị cáo dùng thực hiện tội phạm, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền Việt Nam; 02 tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 50 NDT/tờ; 02 tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 20 NDT/tờ; 01 tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 10 NDT/tờ được niêm phong trong một phong bì có chữ ký cùng tên của Ngô Văn Đ và hai hình dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Các vật chứng và tiền trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-6-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn)*. Truy thu số tiền 400.000 đồng của Vương Quốc N do bị cáo phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với xe ô tô biển kiểm soát 12A -13147 Vương Quốc N dùng để chở Leo Văn N, Từ Văn T từ nhà nghỉ V đến đường mòn biên giới để Leo Văn N, Từ Văn T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, chủ sở hữu chiếc xe ô tô là chị Lành Bạch H, khi bị cáo Vương Quốc N lấy xe ô tô đi chị Lành Bạch H không biết, do vậy Cơ quan điều tra không tạm giữ là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xét.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 17, 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra Vương Quốc N áp dụng thêm khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị B, Vương Quốc N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Thị B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vương Quốc N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với Vương Quốc N số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Giao bị cáo Vương Quốc N cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là nơi cư trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím đen, đã qua sử dụng, số IMEL 1: 869318031106954, số IMEL 2: 869318031106947 của Lê Thị B

Tịch thu số tiền nộp ngân sách Nhà nước 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền Việt Nam; 150 NDT của bị cáo Lê Thị B.

(Các vật chứng và tiền trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-6-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

Biện pháp tư pháp: Truy thu đối với Vương Quốc N số tiền 400.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- CQTHAHS h L, t Lạng Sơn;
- CCTHADS h. L, t Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Ngọc